

Vừa qua, Ban chủ nhiệm đề tài nhà nước KX.01-04 kết hợp cùng tạp chí Phát triển kinh tế đã tổ chức hội thảo về “*Những quan niệm về bóc lột của kinh tế tư bản tư nhân và đảng viên làm kinh tế tư nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN*”.

Tham gia hội thảo có nhà nghiên cứu Trần Bạch Đằng, PGS. TS. Trần Trọng Đăng Đàn, GS. Trần Đình Bút, GS. TS. Nguyễn Thiện Nhân- Phó chủ tịch UBND TP.HCM, TS. Hồ Thiệu Hùng- Phó Ban văn hoá tư tưởng thành uỷ và các giáo sư, tiến sĩ, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp, giảng viên và đông đảo sinh viên trường Đại học kinh tế TP.HCM. Trong số này, tạp chí PTKT trích đăng một số bài tham luận trong cuộc hội thảo.

Vấn đề bóc lột của kinh tế tư bản tư nhân ở nước ta hiện nay và quy định về việc đảng viên làm kinh tế tư nhân đã được bàn luận nhiều từ khi Đảng ta tiến hành công cuộc đổi mới, khuyến khích sự phát triển kinh tế tư nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Đây là những vấn đề do thực tiễn xây dựng đất nước ta đặt ra cần được lý giải rõ ràng trên nhiều khía cạnh, không chỉ về mặt khoa học kinh tế mà còn quan hệ đến các vấn đề chính trị, tư tưởng, đạo lý v.v... trong cuộc sống bình thường của xã hội. Đồng thời đây cũng là vấn đề nảy

Vấn đề bóc lột của kinh tế tư bản tư nhân và đảng viên làm kinh tế tư nhân ở nước ta hiện nay

TRẦN BẠCH ĐẰNG

Từ khi đổi mới, khá nhiều cán bộ đảng viên tham gia làm kinh tế tư nhân để tăng thu nhập. Không ít giám đốc xí nghiệp quốc doanh có xưởng riêng do vợ con quản lý để sản xuất kinh doanh. Nhiều cán bộ, đảng viên sau khi về hưu rồi mới tạo cơ sở kinh doanh. Xét về mặt phát triển kinh tế và nâng cao đời sống nhân dân thì đó là điều bình thường của xã hội. Vấn đề có bóc lột hay không, chủ yếu được đặt ra trong nội bộ Đảng chứ không phải trong dư luận quần chúng.

sinh trong học thuật xây dựng CNXH mà Đảng cộng sản (và các đảng công nhân) giữ vai trò chủ đạo cả về chính trị lẫn lối sống. Chính sự phát triển nhiều mặt của thế giới và riêng các nước XHCN – những nước đứng trước thử thách của thời gian – khiến khái niệm bóc lột cần đánh giá dưới nhiều ánh sáng quy chiếu.

1. Vấn đề bóc lột của kinh tế tư bản tư nhân ở nước ta hiện nay

Ở nước ta hiện nay, về mặt lý luận cũng như thực tiễn đổi mới mười mấy năm qua đã chứng minh cụ thể tính tất yếu và vai trò quan trọng của kinh tế tư bản tư nhân (kể cả trong nước và đầu tư từ nước ngoài) đối với tăng trưởng kinh tế và cải thiện đời sống xã hội. Điều đó mặc nhiên thừa nhận sự tồn tại của bóc lột giá trị thặng dư.

Mặt khác, xét về tương quan lực lượng giữa các thành phần kinh tế ở nước ta cũng như vai trò quản lý của nhà nước XHCN, bóc lột giá trị thặng dư không phải là quan hệ chủ đạo, phổ biến và không trở thành chế độ xã hội thống trị như trong xã hội tư sản. Sự bóc lột ở nước ta được giới hạn một cách hợp lý, được nhà nước XHCN điều chỉnh trên nguyên tắc vừa đảm bảo quyền lợi cơ bản của người lao động, nộp thuế cho nhà nước,

vừa đảm bảo lợi ích hợp pháp và kích thích nhà tư sản mở rộng kinh doanh. Tất cả đều nhằm phát triển mạnh lực lượng sản xuất xã hội, thực hiện mục tiêu chính trị cao nhất hiện nay là “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Xung quanh vấn đề bóc lột giá trị thặng dư ở nước ta cũng có một số ý kiến cho rằng “không phải chỉ có lao động làm thuê sáng tạo ra giá trị thặng dư... còn có lao động của giới chủ kinh doanh, yếu tố lao động vật hóa góp phần sáng tạo ra giá trị thặng dư... do đó phần thu nhập của chủ sở hữu về vốn, theo vốn là chính đáng, không liên quan gì đến bóc lột” v.v....

Thật ra, những ý kiến nói trên đã được Mác luận giải một cách khoa học trong học thuyết về giá trị thặng dư mà những nhà kinh tế học cùng thời với Mác không giải đáp được.

Riêng vấn đề “lao động của giới chủ kinh doanh” nếu đó là lao động quản lý thì đúng là loại lao động phức tạp, cũng giống như lao động khoa học kỹ thuật phục vụ sản xuất, là bộ phận của lao động giản đơn nên đã góp phần tạo ra lợi nhuận. Trong trường hợp đó, chủ kinh doanh thuộc vào hạng tiểu chủ. Xét đến

cùng thì lợi nhuận của tiểu chủ thu được có phần do anh ta tạo ra và có phần giá trị thặng dư do lao động làm thuê cho anh ta tạo ra, trong thực tế rất khó phân tỉ lệ. Dù sao tiểu chủ vẫn còn là người lao động nên không quy vào giai cấp bóc lột. Theo Mác và Lênin thì chỉ khi nào anh ta trút bỏ lao động quản lý đó cho nhân viên làm thuê, trở thành người không lao động để thu giá trị thặng dư thì mới trở thành một ông chủ tư bản "chính cống".

Chúng ta lý giải một cách khoa học nguồn gốc lợi nhuận của nhà tư bản nhưng phải đặt vấn đề đó vào những điều kiện lịch sử ở nước ta trong phát triển kinh tế và nâng cao đời sống nhân dân, trên cơ sở xác định vai trò quan trọng và lâu dài của kinh tế tư bản trên lộ trình xây dựng CNXH ở nước ta. Có thể nói, xét về quan hệ giai cấp giữa các nhà tư bản và công nhân làm thuê ở nước ta hiện nay vừa có mặt mâu thuẫn vừa có mặt thống nhất về lợi ích. Ai cũng biết, giữa lợi nhuận và tiền công là hai mặt mâu thuẫn, nhưng phải thấy rằng giá trị thặng dư do công nhân tạo ra ngoài phần bản thân được hưởng qua phúc lợi của đơn vị kinh doanh, còn đóng góp cho Nhà nước qua nghĩa vụ nộp thuế của nhà tư bản vì lợi ích chung của xã hội. Đó là chưa nói vấn đề giải quyết công ăn việc làm trong hoàn cảnh thừa lao động ở nước ta hiện nay.

Nói như vậy không có nghĩa chúng ta coi thường vấn đề đấu tranh đòi hỏi các nhà tư bản phải tôn trọng lợi ích chính đáng của công nhân đã được pháp luật và hợp đồng kinh tế quy định. Ở đây, vai trò của thanh tra nhà nước và tổ chức công đoàn hết sức mạnh mẽ trong giải quyết mâu thuẫn lợi ích của hai bên.

Thực tế cuộc sống ở nước ta hiện nay cũng tương tự như điều nhận xét của Ang ghen về công nhân Anh khi đại công nghiệp phát triển. Dù có nhận thức được vấn đề bóc lột giá trị thặng dư hay không, tầng lớp lao động làm thuê thuộc mọi trình độ đều muốn vào làm việc ở những công ty trả lương cao nhất và đối xử tốt nhất, bất kể đơn vị đó thuộc thành phần kinh tế nào. Làm việc trong các công ty của Nhà nước, thực chất là không bị bóc lột vì giá trị thặng dư tạo ra thuộc về xã hội và phúc lợi của mình, nhưng nếu trả lương quá thấp thì sẽ chịu bóc lột

mà ở các công ty tư bản với mức lương cao hơn. Nếu cứ nói về đạo lý thì thật khó hiểu nổi. Vấn đề chảy máu chất xám từ các đơn vị nhà nước sang lĩnh vực kinh tế tư nhân được bàn luận nhiều và từ lâu rồi nhưng đến nay vẫn chưa có biện pháp hữu hiệu.

Tách rời lý luận và thực tiễn cuộc sống sẽ không tìm được giải pháp đúng đắn.

2. Vấn đề đảng viên không được tham gia bóc lột

Từ khi đổi mới, khá nhiều cán bộ đảng viên tham gia làm kinh tế tư nhân để tăng thu nhập. Không ít giám đốc xí nghiệp quốc doanh có xưởng riêng do vợ con quản lý để sản xuất kinh doanh. Nhiều cán bộ, đảng viên sau khi về hưu rồi mới tạo cơ sở kinh doanh. Xét về mặt phát triển kinh tế và nâng cao đời sống nhân dân thì đó là điều bình thường của xã hội. Vấn đề có bóc lột hay không, chủ yếu được đặt ra trong nội bộ Đảng chứ không phải trong dư luận quần chúng.

Trong điều lệ Đảng có quy định tư cách đảng viên là không bóc lột. Bóc lột là một khái niệm rộng, không chỉ khuôn trong việc làm kinh tế tư bản tư nhân. Thực chất của bóc lột là chiếm đoạt lao động thặng dư của nhân dân lao động. Người bóc lột là người không tham gia lao động mà bằng sử dụng tư bản (vốn), quyền lực hoặc thủ đoạn lừa đảo để có thu nhập dưới nhiều hình thức. Những kẻ tham nhũng, lừa đảo, xoay xở bất hợp pháp để vơ vét của cải của Nhà nước và nhân dân đích thực là kẻ bóc lột khá đồng hiện nay cần phải trừng trị trong đó có đảng viên mất tư cách. Cho nên chúng ta cần nghiêm khắc kiểm tra trong nội bộ Đảng những ai đã tham gia bóc lột theo cách này để thực hiện đúng điều lệ.

Trên lĩnh vực kinh tế, nhiều ý kiến đưa ra những định chuẩn về bóc lột, chủ yếu là định lượng. Ví dụ: Thành ủy TP.HCM quy định nếu đảng viên chỉ có 30% cổ phần ở công ty tư nhân thì vẫn chấp nhận còn tư cách đảng viên. Thật khó giải thích về mặt bản chất của phương thức thu lợi nhuận bằng cách phân biệt tỷ lệ bỏ vốn nhiều hay ít. Cũng có người định mức về vốn bỏ ra: trên 5 tỷ đồng, thuê mướn từ 100 công nhân trên lên, lợi nhuận ròng trên 10 triệu đồng/tháng thì mới coi là bóc lột v.v...

Đối với các hình thức thu nhập khác

như: lợi tức ngân hàng, lãi kinh doanh nhà, đất, mua bán cổ phiếu v.v... từ nguồn gốc lao động thặng dư của xã hội qua hệ thống phân phối lại rất phức tạp thì chưa được lý giải rõ ràng là có bóc lột hay không. Điều được chú ý rõ nhất là trực tiếp thuê mướn nhân công để thu lợi nhuận vượt quá lần ranh của tiểu chủ. Lần ranh đó trong thực tế cũng khó xác định, nói về lý luận để phân tích thì được và không thể ngăn cản đảng viên vượt lần ranh đó. Vì vậy có đồng chí lại đưa ra một sơ đồ phân phối lợi nhuận để đảng viên thực hiện nhằm đảm bảo rằng mình không bóc lột. Điều này trong thực tế chỉ mang ý nghĩa hướng dẫn hơn là tổ chức kiểm tra thực hiện.

Lý tưởng của Đảng cộng sản là xóa bỏ mọi hình thức áp bức bóc lột trong xã hội loài người. Trước đây hàng bao nhiêu thế kỷ, biết bao người có lương tri đã từng xây dựng lý tưởng cao đẹp như thế và đấu tranh để thực hiện lý tưởng đó. Nhưng chủ nghĩa xã hội khoa học khác với CNXH không tưởng không phải ở ý tưởng cao đẹp mà ở chỗ điều kiện kinh tế - xã hội để biến lý tưởng đó thành hiện thực. Khi chưa xây dựng được những điều kiện đó mà nôn nóng thì có thể lại rơi vào một cách thiết kế mô hình của CNXH nghèo khổ để khỏi có hiện tượng người bóc lột người.

Nếu nói về đạo lý thì có gì mâu thuẫn khi Đảng ta đã đấu tranh đưa nhân dân làm chủ đất nước, làm chủ xã hội rồi đến nay bằng cương lĩnh xây dựng đất nước, đã khuyến khích tư bản tư nhân phát triển, biến một số đồng thanh niên làm công nhân bị bóc lột và biến một số khác trở thành nhà tư bản, kể cả trải thảm mời các nhà tư bản nước ngoài vào để bóc lột công nhân VN? Điều mà nhân dân có thể chấp nhận được thì tại sao đảng viên không thể chấp nhận và cho rằng đó là trái đạo lý? Những cái Đảng không muốn có, lại để cho nhân dân gánh chịu?

Đề ra một khái niệm "không bóc lột" là đúng với tư cách của một đảng viên cộng sản. Nhưng điều đó trong thực tế khó xác định theo những tiêu chuẩn chính xác, sẽ khó kiểm chứng.

Điều có thể thực hiện được trong thực tế cuộc sống là cứ cho phép đảng viên làm kinh tế tư nhân với những lý do và chuẩn mực như sau:

- Góp phần tích cực nhất vào sự

phát triển kinh tế của đất nước, đóng góp cho nhà nước theo đúng nghĩa vụ quy định, không gian dối, thể hiện sự trung thực của người đảng viên.

- Đóng góp tích cực vào các chương trình xã hội, góp phần xóa đói giảm nghèo, làm công tác từ thiện xã hội tốt nhất.

- Đối với công nhân làm thuê cho đơn vị mình, phải chăm lo đời sống cho tối, kể cả tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi xã hội, bảo hiểm xã hội v.v... làm công nhân gần bó thân thiết với đơn vị, không để xảy ra những vấn đề mâu thuẫn về lợi ích vật chất và tinh thần trong quan hệ giữa hai bên.

- Hỗ trợ tốt cho hoạt động của công đoàn và các đoàn thể quần chúng khác, lắng nghe ý kiến quần chúng để điều chỉnh những sai sót.

- Gần bó với tổ chức Đảng trong đơn vị, chịu sự kiểm tra về tư cách đảng viên và giúp đỡ tổ chức Đảng hoạt động tốt trong quần chúng.

Trong thực tế, bất cứ đảng viên nào có thuê mướn lao động trong đơn vị của mình dù nhỏ hay lớn mà giải quyết tốt mối quan hệ với người lao động, với nhà nước, với địa phương và xã hội thì đều đủ tư cách đảng viên. Nếu sai phạm thì tùy lỗi nặng nhẹ mà thi hành kỷ luật từ hình thức thấp đến cao. Đó là quyền hạn của tổ chức Đảng.

3. Vấn đề khoa học và đời sống thực tiễn

Cuối cùng, nhân đây, tôi muốn nhắc lại lời dặn của Mác và Ăng ghen. Tất cả chúng ta đều biết tuyên ngôn của Đảng cộng sản do Mác và Ăng ghen khởi thảo thay mặt cho đồng minh những người cộng sản công bố năm 1848 là cương lĩnh chính trị rất cơ bản của giai cấp vô sản và của những người cộng sản trên thế giới. Trong lời tựa viết ngày 24.6.1872 nhân tuyên ngôn được in lại, Mác và Ăng ghen nói rõ: "dù hoàn cảnh đã thay đổi nhiều trong 25 năm qua nhưng những nguyên lý chung trình bày trong bản tuyên ngôn này, ngày nay, nói về toàn bộ, vẫn còn hoàn toàn chính xác. Có một vài chỗ lẽ ra nên sửa lại. Chính ngay bản tuyên ngôn cũng đã giải thích rằng việc áp dụng những nguyên lý ở đâu và lúc nào cũng phải tùy theo biện pháp cách mạng kể ra ở cuối chương hai. Đoạn này, ngày nay mà viết lại thì nhiều điểm cũng phải viết

khác hẳn đi".

Khoảng cách từ 1848 – 1872 là 24 năm. Với 24 năm, Mác và Ăng ghen đã tư duy thêm một số khía cạnh trong luận điểm của tuyên ngôn, bởi tình hình năm 1872 không hoàn toàn giống tình hình năm 1848, về phát triển cơ sở vật chất thế giới công nghiệp, về độ trưởng thành của giai cấp công nhân, về những kinh nghiệm mà giai cấp vô sản rút được qua các cao trào cách mạng. Trong lời tựa này, hai nhà lý luận kinh điển chủ nghĩa xã hội khoa học đã rút ra từ Công xã Ba Lê một ý kiến đáng được chúng ta hiện nay suy gẫm. Công xã Ba Lê lần đầu tiên

đem chính quyền về cho giai cấp vô sản trong 2 tháng, làm cho cương lĩnh (tức tuyên ngôn) có một vài điểm đã cũ rồi, trong đó Mác và Ăng ghen nhấn mạnh: "Giai cấp công nhân mà chỉ chiếm lấy bộ máy nhà nước để bắt nó phục vụ cho mục đích của chính mình thôi là chưa đủ".

Tôi muốn đi tương đối tận cùng vấn đề đang được quan tâm và chúng ta đã có trong tay không biết bao nhiêu kinh nghiệm. Hiểu "bóc lột" như thế nào nằm trong phạm trù hiểu phép duy vật biện chứng, duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác – một vấn đề của khoa học và của đời sống thực tiễn.... ■

Nhận thức về bóc lột và vấn đề đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân

PGS.TS. HỒ TRỌNG VIỆN

Người đóng góp lao động sống thì hưởng tiền công (tiền lương) còn người đóng góp lao động quá khứ (góp vốn, tư liệu sản xuất) thì hưởng lợi nhuận, đó là lẽ tự nhiên, công bằng, cũng giống như góp vốn bằng tiền gửi vào ngân hàng và được hưởng lợi tức vậy.

Mấy vấn đề phương pháp luận

1. Giá trị thặng dư

Trong quá trình tiến hành sản xuất vật chất để mưu sinh, con người không ngừng nâng cao trình độ, tích lũy kinh nghiệm, cải tiến công cụ và phương pháp sản xuất ... làm tăng năng suất lao động, đưa đến sự xuất hiện sản phẩm thừa, tức lượng sản phẩm vượt ra ngoài nhu cầu tất yếu, gọi là sản phẩm thặng dư.

Sản phẩm thặng dư gắn liền với toàn bộ tiến trình lịch sử, sản xuất vật chất, là mục tiêu, tiền đề của sự phát triển lực lượng sản xuất, và cơ sở của tái sản xuất mở rộng. Nó là một phạm trù kinh tế hiện thực tất

yếu của mọi hình thái kinh tế – xã hội.

Trong điều kiện có phân công lao động xã hội và sự tách biệt về quyền chi phối đối với các sản phẩm (khi xuất hiện chế độ tư hữu), việc trao đổi các sản phẩm thặng dư, đòi hỏi có cơ sở chung, đồng chất để so sánh với nhau về lượng (ngang giá) đã hình thành phạm trù hao phí lao động xã hội cần thiết, dựa trên sự qui đồng các lao động tư nhân thành lao động xã hội, thể hiện dưới hình thức trừu tượng (gọi là lao động trừu tượng) kết tinh trong sản phẩm đó gọi là giá trị.